

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2045/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 17 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm và người lao động bị chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc không đủ điều kiện hưởng bảo hiểm thất nghiệp theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn huyện Tân Phú

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Căn cứ Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Trên cơ sở Kế hoạch số 4979/KH-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Trên cơ sở Văn bản số 5406/UBND-KGVX ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Kế hoạch số 4979/KH-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Xét đề nghị của Chủ tịch UBND huyện Tân Phú tại Tờ trình số 104/TTr-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2020 về việc hỗ trợ lao động không có giao kết hợp đồng lao động và người bị chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp do đại dịch Covid-19;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 213/TTr-LĐTBXH ngày 15 tháng 6 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm và người lao động bị chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc không đủ điều kiện hưởng bảo hiểm thất nghiệp theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính

phủ trên địa bàn huyện Tân Phú gồm 1.294 đối tượng và tổng chi phí hỗ trợ là 1.294.000.000 đồng (một tỷ, hai trăm chín mươi bốn triệu đồng chẵn); cụ thể như sau:

1. Đối tượng là người lao động tự do: 1.292 người, kinh phí hỗ trợ là 1.292.000.000 đồng (một tỷ, hai trăm chín mươi hai triệu đồng chẵn).

2. Đối tượng là người lao động bị chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc không đủ điều kiện hưởng bảo hiểm thất nghiệp: 02 người, kinh phí hỗ trợ là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng chẵn).

3. Kinh phí thực hiện: Sử dụng từ nguồn ngân sách huyện Tân Phú (50% dự phòng ngân sách huyện năm 2020 và nguồn cải cách tiền lương còn dư ngân sách huyện).

(Danh sách đính kèm theo Quyết định)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao UBND huyện Tân Phú chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội hợp đồng với Bưu điện cùng cấp chi trả kịp thời, đúng đối tượng; kiểm tra, rà soát đảm bảo việc chi trả đúng đối tượng, minh bạch, công khai, chống trùng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Bưu điện tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Tân Phú và các cá nhân tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, PCT. UBND tỉnh;
- Chánh, PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KTNS.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



★Nguyễn Hòa Hiệp

DANH SÁCH
NGƯỜI LAO ĐỘNG BỊ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG, HỢP ĐỒNG LÀM VIỆC KHÔNG ĐỦ
ĐIỀU KIỆN HƯỞNG TRỢ CẤP THẤT NGHIỆP DO ẢNH HƯỞNG DỊCH COVID-19 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TÂN PHÚ
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2045/QĐ-UBND ngày 17/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số CMND	Địa chỉ	Tên DN làm việc trước khi chấm dứt HDLĐ, HDLV	Thời điểm bắt đầu thực hiện HDLĐ, HDLV	Thời điểm bắt đầu chấm dứt HDLĐ, HDLV (ngày tháng năm)	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số bảo hiểm	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ hoặc ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
1	Nguyễn Phan Thị Cẩm Tiên	19/10/1997	272594202	Tạm trú ấp Thanh Lâm - xã Thanh Sơn	Công ty TNHH Hi Fashion Vina	26/7/2019	15/4/2020	0		1.000.000	HD Bank 154704070007117	
2	Nguyễn Thanh Quang	22/03/2000	272901265	Ấp Phú Thành - xã Phú Bình	Công ty TNHH Magic Vina	01/01/2020	18/04/2020	0		1.000.000		
Tổng cộng: 02 đối tượng										2.000.000		

Tổng số đối tượng: 02
Tổng số tiền: 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng chẵn)

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hòa Hiệp

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỒ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG KHÔNG CÓ GIAO KẾT HỢP ĐỒNG BỊ
MẤT VIỆC DO ĐẠI DỊCH COVID-19 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TÂN PHÚ
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2045 /QĐ-UBND ngày 17/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Số CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	

I. THỊ TRẦN TÂN PHÚ

1	Trương Thị Lập	28/07/1971	270910768	Khu 1	Xe ôm	Khu 1	01/04/2020	1.300.000	1.000.000		
2	Nguyễn Thị Út	1960	271213861	Khu 1	Bán hàng rong	Khu 1	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
3	Chu Thị Nguyệt Hằng	04/10/1990	271337392	Khu 1	Phục vụ quán ăn	Khu 1	01/04/2020	1.300.000	1.000.000		
4	Vô Hoàng	1966	270682637	Khu 1	Xe ôm	Khu 1	01/04/2020	500.000	1.000.000		
5	Trần Văn Công	1960	271617181	Khu 1	Xe ôm	Khu 1	01/04/2020	500.000	1.000.000		
6	Mai Thị Vân Trinh	12/06/1993	272281381	Khu 1	Phục vụ quán ăn	Khu 1	01/04/2020	1.300.000	1.000.000		
7	Huỳnh Thị Tuyết Phương	05/07/1976	24134712	Khu 1	Phục vụ quán ăn	Khu 1	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Số CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (BVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (BVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
8	Huỳnh Thị Hoa	17/07/1964	23189947	Khu 1	Phục vụ quán ăn	Khu 1	01/04/2020	1.300.000	1.000.000		
9	Nguyễn Thanh Quý	03/09/1998	272630739	Khu 1	Nhân viên nhà Nghỉ	KS Khánh Hà	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
10	Nguyễn Thị Cao	1975	271246275	Khu 1	Nhân viên nhà Nghỉ	KS Khánh Hà	01/04/2020	1.300.000	1.000.000		
11	Nguyễn Ngọc Sanh	1968	271023222	Khu 1	Nhân viên nhà Nghỉ	KS Khánh Hà	01/04/2020	1.300.000	1.000.000		
12	Lê Thị Oanh	20/05/1905	271130827	Khu 1	Bán hàng rong	Khu 1	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
13	Nguyễn Thị Vân	20/06/1976	271555068	Khu 1	Bán hàng rong	Khu 1	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
14	Nguyễn Thị Ngọc Thương	18/08/1991	2712111838	Khu 1	Bán hàng rong	Khu 1	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
15	Lê Thị Cẩm	1967	272812789	Khu 1	Nhân viên nhà Nghỉ	KS Khánh Hà	01/04/2020	1.300.000	1.000.000		
16	Nguyễn Thị Phương	01/01/1975	271723360	Khu 1	Phục vụ quán ăn	Khu 1	01/04/2020	1.300.000	1.000.000		
17	Trần Phú Sơn	06/07/1967	271188212	Khu 1	Xe ôm	Khu 1	01/04/2020	800.000	1.000.000		
18	Trần Phú Dương	01/01/1975	271487326	Khu 1	Xe ôm	Khu 1	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Số CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
19	Trần Phú Sang	1968	271188211	Khu 1	Xe ôm	Khu 1	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
20	Phan Bảo Thăng	1959	350387381	Khu 1	Bán hàng rong	Khu 1	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
21	Nguyễn Văn Châu	01/01/1979	272194731	Khu 1	Xe ôm	Khu 1	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
22	Châu Oanh Diễm	19/05/1970	271559659	Khu 1	Phục vụ quán ăn	Bánh mì Jojo	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
23	Lê Thị Hiền	15/04/1973	271741526	Khu 1	Phục vụ quán ăn	Khu 1	01/04/2020	1.300.000	1.000.000		
24	Nguyễn Thị Thùy Trang	21/06/1986	271853515	Khu 1	Phục vụ quán ăn	Khu 1	01/04/2020	1.300.000	1.000.000		
25	Dương Hoàng Khánh	01/01/1974	271188074	Khu 1	Xe ôm	Khu 1	01/04/2020	1.300.000	1.000.000		
26	Dương Đức Thành	01/07/1982	272280795	Khu 1	Xe ôm	Khu 1	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
27	Nguyễn Thị Thùy Dương	26/6/199	272633426	Khu 1	Phục vụ quán ăn	Khu 1	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
28	Lê Thị Ngọc Mai	16/11/1963	272524290	Khu 1	Bán hàng rong	Khu 1	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
29	Trần Thị Mộng Thu	1978	272303370	Khu 1	Phục vụ quán ăn	Khu 1	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Số CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
30	Trần Thị Kim Hồng	1982	272852874	Khu 1	Phục vụ quán ăn	Khu 1	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
31	Huỳnh Thị Dung	01/01/1960	271634400	Khu 1	Phục vụ quán ăn	Khu 1	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
32	Nguyễn Thị Hiền	15/02/1988	321375471	Khu 1	Phục vụ quán ăn	Khu 1	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
33	Lê Thị Mỹ Hạnh	16/04/1974	271110183	Khu 1	Phục vụ quán ăn	Khu 1	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
34	Nguyễn Thị Lệ	1952	271335577	Khu 1	Bán hàng rong	Khu 1	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
35	Bùi Thị Mỹ Lệ	08/05/1963	270306803	Khu 1	Phục vụ quán ăn	Khu 1	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
36	Lê Văn Nhân	1960	270439853	Khu 2	Xe ôm	Khu 2	01/04/2020	1.700.000	1.000.000		
37	Lê Văn Thiện	1954	270439780	Khu 2	Xe ôm	Khu 2	01/04/2020	1.700.000	1.000.000		
38	Nguyễn Ngọc Bích Vân	1987	271935606	Khu 2	Phục vụ quán ăn	Khu 2	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
39	Trần Thị Phúc	1961	270439469	Khu 2	Phục vụ quán ăn	Khu 2	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
40	Lê Thị Hồng Nga	1978	271276892	Khu 2	Phục vụ quán ăn	Khu 2	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Số CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
41	Lê Trường Giang	1980	271858786	Khu 2	Bán hàng rong	Khu 2	01/04/2020	1.700.000	1.000.000		
42	Nguyễn Thị Hồng Phụng	1989	271970904	Khu 2	Bán hàng rong	Khu 2	01/04/2020	1.700.000	1.000.000		
43	Nguyễn Thị Hà Bắc	1976	272632861	Khu 2	Phục vụ quán ăn	Khu 2	01/04/2020	1.700.000	1.000.000		
44	Võ Ngọc Kim Oanh	1983	271602121	Khu 2	Phục vụ quán ăn	Khu 2	01/04/2020	1.700.000	1.000.000		
45	Nguyễn Thị Kiều Oanh	1984	272901427	Khu 2	Phục vụ quán ăn	Khu 2	01/04/2020	1.700.000	1.000.000		
46	Trần Thị Diệu	1968	2.71025E+11	Khu 2	Phục vụ quán ăn	Khu 2	01/04/2020	1.700.000	1.000.000		
47	Huỳnh Thanh Hoàng	1978	272721049	Khu 2	Phục vụ quán ăn	Khu 2	01/04/2020	1.700.000	1.000.000		
48	Huỳnh Thị Hiền	1962	272038487	Khu 2	Nhân viên nhà Nghỉ	KS Khánh Hà	01/04/2020	1.600.000	1.000.000		
49	Phạm Văn Vinh	1958	271602687	Khu 2	Xe ôm	Khu 2	01/04/2020	1.600.000	1.000.000		
50	Nguyễn Văn Hoàng	1959	272465147	Khu 2	Xe ôm	Khu 2	01/04/2020	1.600.000	1.000.000		
51	Nguyễn Văn Phương	1977	271283541	Khu 2	Xe ba gác	Khu 2	01/04/2020	1.600.000	1.000.000		

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Số CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
52	Trần Thị Ngọc Yến	1987	271703000	Khu 2	Bán hàng rong	Khu 2	01/04/2020	1.700.000	1.000.000		
53	Trần Thanh Vân	1957	271684917	Khu 2	Xe ôm	Khu 2	01/04/2020	1.700.000	1.000.000		
54	Huỳnh Thị Kim Sinh	1965	272785095	Khu 2	Nhân viên nhà nghỉ	Khu 2	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
55	Lê Thị Ngọc Minh	1974	272211528	Khu 2	Bán hàng rong	Khu 2	01/04/2020	1.700.000	1.000.000		
56	Nguyễn Thị Cúc		25753104	Khu 2	Bán hàng rong	Khu 2	01/04/2020	1.700.000	1.000.000		
57	Trương Thị Thu Bình	1956	301450911	Khu 2	Phục vụ quán ăn	Khu 2	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
58	Dương Thị Mỹ Phú	09/03/1976	271261186	Khu 2	Phục vụ quán giải khất	Khu 2	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
59	Hồ Thị Minh Kiều	1969	271617383	Khu 2	Bán hàng rong	Khu 2	01/04/2020	1.600.000	1.000.000		
60	Trần Đức Mạnh	1990	272232680	Khu 2	Bán hàng rong	Khu 2	01/04/2020	1.600.000	1.000.000		
61	Nguyễn Văn Tường	1982	272653509	Khu 2	Phục vụ quán giải khất	Khu 2	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
62	Trần Minh Hiếu	13/10/1983	2526956676	Khu 2	Bán hàng rong	Khu 2	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Số CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
63	Bùi Quang Hùng	1971	271188397	Khu 2	Xe ôm	Khu 2	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
64	Lê Thị Hòa	10/01/1988	271888609	Khu 2	Phục vụ quán ăn	Khu 2	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
65	Trần Minh Dũng	1966	271934992	Khu 2	Xe ôm	Khu 2	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
66	Nguyễn Văn Hậu	05/12/1980	271407123	Khu 2	Xe ôm	Khu 2	01/04/2020	1.800.000	1.000.000		
67	Huỳnh Thị Mỹ Lệ	1971	272632878	Khu 2	Phục vụ quán giải khát	Khu 2	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
68	Nguyễn Văn Chung	1966	272632877	Khu 2	Xe ôm	Khu 2	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
69	Nguyễn Thị Mỹ Linh	27/04/1983	271483704	Khu 2	Phục vụ quán ăn	Khu 2	01/04/2020	1.800.000	1.000.000		
70	Lê Ngọc Cúc	27/12/1976	271213395	Khu 2	Phục vụ quán ăn	Khu 2	01/04/2020	1.800.000	1.000.000		
71	Trần Thị Lệ Chi	1972	272914681	Khu 2	Phục vụ quán ăn	Khu 2	01/04/2020	1.800.000	1.000.000		
72	Lại Minh Hùng	1979	271283548	Khu 2	Xe ôm	Khu 2	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
73	Vì Thị Tiến	1972	271121420	Khu 2	Phục vụ quán giải khát	Khu 2	01/04/2020	1.800.000	1.000.000		

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Số CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
74	Lê Thị Dậm	1958	320227732	Khu 2	Phục vụ quán giải khát	Khu 2	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
75	Nguyễn Thị Thuý	1963	272424765	Khu 2	Phục vụ quán giải khát	Khu 2	01/04/2020	1.800.000	1.000.000		
76	Trương Kỳ Thịnh	1975	271130807	Khu 2	Xe ôm	Khu 2	01/04/2020	1.600.000	1.000.000		
77	Nguyễn Thị Nguyễn	1990	272038335	Khu 2	Bán hàng rong	Khu 2	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
78	Trần Thị Hằng	1964	272111204	Khu 2	Bán hàng rong	Khu 2	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
79	Phạm Thị Thanh Hằng	03/11/1991	272088636	Khu 2	Phục vụ quán ăn	Khu 2	01/04/2020	1.400.000	1.000.000		
80	Phạm Thị Thanh Hiền	14/06/1998	272630744	Khu 2	Phục vụ quán ăn	Khu 2	01/04/2020	1.800.000	1.000.000		
81	Trương Thị Anh Thu	26/02/2001	272852971	Khu 2	Phục vụ quán ăn	Khu 2	01/04/2020	1.800.000	1.000.000		
82	Trương Anh Thủy	12/03/2004	272024208	Khu 2	Phục vụ quán ăn	Khu 2	01/04/2020	1.800.000	1.000.000		
83	Lê Thanh Đức	01/01/1966	270682625	Khu 2	Phục vụ quán ăn	Khu 2	01/04/2020	1.800.000	1.000.000		
84	Nguyễn Thị Bé Hai	17/10/1984	272555318	Khu 2	Phục vụ quán ăn	Khu 2	01/04/2020	1.800.000	1.000.000		

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Số CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (BVT đóng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
85	Nguyễn Ngọc Phương	1980	271334587	Khu 2	Bán hàng rong	Khu 2	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
86	Đinh Thị Hương	03/10/1972	272542822	Khu 2	Bán hàng rong	Khu 2	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
87	Huỳnh Quốc Khang	02/02/1993	272364708	Khu 2	Phục vụ quán ăn	Khu 2	01/04/2020	1.700.000	1.000.000		
88	Trịnh Thị Tường Vy	24/12/1982	271440218	Khu 2	Phục vụ quán ăn	Khu 2	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
89	Võ Thị Thắng	22/10/1954	270655523	Khu 2	Phục vụ quán ăn	Khu 2	01/04/2020	1.800.000	1.000.000		
90	Nguyễn Minh Tiến	28/12/1979	271440744	Khu 2	Phục vụ quán ăn	Khu 2	01/04/2020	1.400.000	1.000.000		
91	Nguyễn Minh Hùng	1981	271440331	Khu 2	Phục vụ quán ăn	Khu 2	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
92	Nguyễn Văn Dũng	31345	271867065	Khu 2	Phục vụ quán ăn	Khu 2	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
93	Trần Ngọc Trúc Lan	1993	272183039	Khu 2	Phục vụ quán giải khát	Khu 2	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
94	Phạm Thị Nhiên	1965	40678068	Khu 2	Phục vụ quán ăn	Khu 2	01/04/2020	1.600.000	1.000.000		
95	Phạm Thị Là	1973	272640863	Khu 2	Phục vụ quán ăn	Khu 2	01/04/2020	1.600.000	1.000.000		

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Số CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (BVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (BVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
96	Nguyễn Thị Thu Hiền	1986	272183772	Khu 2	Phục vụ quán ăn	Khu 2	01/04/2020	1.700.000	1.000.000		
97	Dương Thanh Hoàng	07/05/1981	272280511	Khu 2	Xe ôm	Khu 2	01/04/2020	1.800.000	1.000.000		
98	Lê Quốc Phục	10/11/1985	272631738	Khu 3	Phục vụ quán ăn	Khu 3	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
99	Nguyễn Thị Mỹ Trang	16/02/1986	271602241	Khu 3	Phục vụ quán ăn	Quán Xôm	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
100	Đào Đức Hải	28/10/1996	272524235	Khu 3	Phục vụ quán ăn	Khu 3	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
101	Trần Ngọc Thắng	13/01/1998	272842368	Khu 3	Phục vụ quán ăn	Khu 3	01/04/2020	1.600.000	1.000.000		
102	Võ Vương Ngọc Linh	25/07/1983	271550672	Khu 3	Phục vụ quán ăn	Quán Xôm	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
103	Võ Tuấn Khoa	10/04/1992	272364173	Khu 3	Phục vụ quán ăn	Quán Xôm	01/04/2020	1.600.000	1.000.000		
104	Đoàn Nhật Trường	1988	272296316	Khu 3	Phục vụ quán ăn	Quán Xôm	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
105	Lê Thị Yến Nhi	20/01/1990	312552720	Khu 3	Phục vụ quán ăn	Quán Xôm	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
106	Trần Thị Mai Phương	25/06/2001	272852683	Khu 3	Phục vụ quán ăn	Quán Xôm	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Số CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
107	Trần Thị Mỹ Hạnh	31/07/1991	272183364	Khu 3	Phục vụ quán ăn	Quán Xóm	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
108	Nguyễn Hoàng Phong	10/05/2000	272901570	Khu 3	Phục vụ quán ăn	Quán Xóm	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
109	Hồ Thị Kim Thoa	02/02/1993	250886689	Khu 3	Phục vụ quán ăn	Quán Xóm	01/04/2020	1.600.000	1.000.000		
110	Lê Thị Liên	1976	271213909	Khu 3	Phục vụ quán ăn	Khu 3	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
111	Đinh Thị Như Ý	24/02/1992	272166333	Khu 3	Phục vụ quán ăn	Khu 3	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
112	Nguyễn Minh Quý	15/06/2000	341925910	Khu 3	Phục vụ quán giải khát	Khu 3	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
113	Vòng Mắm Tsoi	26/02/1968	271602851	Khu 3	Xe ôm	Khu 3	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
114	Lạc A Phú	01/01/1972	271001324	Khu 3	Xe ôm	Khu 3	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
115	Lênh Tắc Mãnh	05/05/1968	270861586	Khu 3	Xe ôm	Khu 3	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
116	Nguyễn Văn Phương	10/10/1967	272425379	Khu 3	Xe ôm	Khu 3	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
117	Lênh Sập Nhi	30/04/1964	271130998	Khu 3	Xe ôm	Khu 3	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Số CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
118	Trần Văn Hải	15/07/1957	271002160	Khu 3	Xe ôm	Khu 3	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
119	Trần Văn Hải	17/08/1967	271002285	Khu 3	Xe ôm	Khu 3	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
120	Võ Thị Kim Phương	1973	271109053	Khu 3	Bán hàng rong	Khu 3	01/04/2020	1.600.000	1.000.000		
121	Nguyễn Thị Sứ	1941	271825468	Khu 3	Bán hàng rong	Khu 3	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
122	Đào Nguyễn Anh Tuấn	21/02/1990	271930564	Khu 3	Bán hàng rong	Khu 3	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
123	Trần Hưng Hòa	19/07/1987	271805630	Khu 3	Bán hàng rong	Khu 3	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
124	Nguyễn Thị Nga	30/11/1964	272253628	Khu 3	Bán hàng rong	Khu 3	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
125	Nguyễn Thị Sang	01/01/1967	079167011520	Khu 3	Bán hàng rong	Khu 3	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
126	Nguyễn Thị Ánh Thủy	1972	271935771	Khu 3	Bán hàng rong	Khu 3	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
127	Nguyễn Thị Liễu	22/04/1970	285199068	Khu 3	Bán hàng rong	Khu 3	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
128	Phan Thị Thúy Nguyệt	24/04/1990	215113092	Khu 3	Bán hàng rong	Khu 3	01/04/2020	1.400.000	1.000.000		

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Số CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (BVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (DVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
129	Nguyễn Thị Xuân Lộc	12/04/1967	271557685	Khu 3	Bán hàng rong	Khu 3	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
130	Phạm Thị Láng	23/02/1960	271723331	Khu 3	Bán hàng rong	Khu 3	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
131	Ninh Thị Tiếp	15/11/1980	272035294	Khu 3	Bán hàng rong	Khu 3	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
132	Nguyễn Văn Hải	22/01/1993	261227916	Khu 3	Bán hàng rong	Khu 3	01/04/2020	1.600.000	1.000.000		
133	Lâm Thị Hồng Thủy	01/01/1975	271130898	Khu 4	Phục vụ quán ăn	Cơm tấm 127		1.600.000	1.000.000		
134	Trần Thị Kim Thoa	17/05/1972	271014633	Khu 4	Bán hàng rong	Khu 4		1.600.000	1.000.000		
135	Lâm Tiến Dũng	21/09/1983	271551182	Khu 4	Phục vụ quán ăn	Khu 4		1.800.000	1.000.000		
136	Nguyễn Thanh Thắng	21/07/1966	271014896	Khu 4	Xe ôm	Khu 4		1.500.000	1.000.000		
137	Hoàng Văn Thịnh	08/03/1955	270481911	Khu 4	Xe ôm	Khu 4		1.500.000	1.000.000		
138	Nguyễn Thị Diệp	01/07/1982	271440305	Khu 4	Bán hàng rong	Khu 4		1.500.000	1.000.000		
139	Nguyễn Minh Châu	1975	272631347	Khu 4	Bán hàng rong	Khu 4		1.000.000	1.000.000		

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Số CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
140	Bùi Thị Việt	1975	271133029	Khu 4	Bán hàng rong	Khu 4		1.500.000	1.000.000		
141	Bùi Thị Bích Ngợi	11/05/1963	271014752	Khu 4	Bán hàng rong	Khu 4		1.600.000	1.000.000		
142	Nguyễn Thị Trúc Linh	01/01/1986	363563221	Khu 4	Bán hàng rong	Khu 4		1.600.000	1.000.000		
143	Hoàng Ngọc Hân	27/05/2003	276064896	Khu 4	Phục vụ quán ăn	Khu 4		1.600.000	1.000.000		
144	Mai Thiên Trí	20/04/1987	271824765	Khu 4	Phục vụ quán ăn	Khu 4		1.400.000	1.000.000		
145	Lê Thị Hồng Tươi	02/04/1998	272853534	Khu 4	Phục vụ quán ăn	Khu 4		1.600.000	1.000.000		
146	Trần Thủy Là	30/12/1980		Khu 4	Phục vụ quán ăn	Khu 4		1.600.000	1.000.000		
147	Nguyễn Thị Kim Ánh	04/03/2001	270902155	Khu 4	Phục vụ quán ăn	Khu 4		1.300.000	1.000.000		
148	Ngô Thị Ngọc Huyền	23/12/1980	271407608	Khu 4	Phục vụ quán ăn	Khu 4		1.800.000	1.000.000		
149	Nguyễn Thị Hồng Nhung	20/11/1987	271741574	Khu 4	Phục vụ quán ăn	Khu 4		1.600.000	1.000.000		
150	Phạm Thị Thủy Trang	21/10/1988	271890759	Khu 4	Phục vụ quán ăn	Khu 4		600.000	1.000.000		

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Số CMD	Địa chỉ	Công việc trước khi mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
151	Trần Thị Kim Linh	23/08/1972	270981673	Khu 4	Phục vụ quán ăn	Khu 4		1.600.000	1.000.000		
152	Lương Minh Dũng	26/05/1987	271852139	Khu 4	Phục vụ quán ăn	Khu 4		1.600.000	1.000.000		
153	Phạm Văn Tôn	27/09/1991	272077740	Khu 4	Phục vụ quán ăn	Cà phê Z1		0	1.000.000		
154	Cao Xuân Hồng	27/01/2004	276000489	Khu 4	Phục vụ quán ăn	Cà phê Z1		0	1.000.000		
155	Phạm Bạch Long	25/10/1973	271028699	Khu 4	Phục vụ quán ăn	Quán Đồng quê 2		1.600.000	1.000.000		
156	Trần Ngọc Loan	17/11/1976	271394242	Khu 4	Phục vụ quán ăn	Quán Đồng quê 2		1.600.000	1.000.000		
157	Trần Thành Lộc	29/07/2000	272785548	Khu 4	Phục vụ quán ăn	Quán Đồng quê 2		1.600.000	1.000.000		
158	Trần Thị Thu Thương	11/05/2001	272853326	Khu 4	Phục vụ quán ăn	Quán Đồng quê 2		1.600.000	1.000.000		
159	Trần Giang Nam	24/04/1982	250576307	Khu 4	Phục vụ quán ăn	Lầu dè Ninh Bình		1.500.000	1.000.000		
160	Nguyễn Thị Huệ	22/06/1984	250576418	Khu 4	Phục vụ quán ăn	Lầu dè Ninh Bình		1.500.000	1.000.000		
161	Trần Văn Phương Em	1972	271130777	Khu 5	Xe ôm	Khu 5		1.700.000	1.000.000		

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Số CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (BVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (BVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
162	Phan Đồng Tân	1964	271283643	Khu 5	Xe ôm	Khu 5		1.700.000	1.000.000		
163	Phạm Văn Lai	1971	271791491	Khu 5	Xe ôm	Khu 5		1.700.000	1.000.000		
164	Nguyễn Ngọc Long	1964	270830796	Khu 5	Xe ôm	Khu 5		1.700.000	1.000.000		
165	Nguyễn Văn Long	09/12/1957	270438853	Khu 5	Xe ôm	Khu 5		1.700.000	1.000.000		
166	Bùi Phúc Nam	20/07/1965	271002950	Khu 5	Xe ôm	Khu 5		1.700.000	1.000.000		
167	Nguyễn Đức Hoàng	09/12/1965	220543990	Khu 5	Xe ôm	Khu 5		1.700.000	1.000.000		
168	Dặng Tấn Phong	04/06/1971	271188390	Khu 5	Xe ôm	Khu 5		1.700.000	1.000.000		
169	Trương Thị Diễm Thúy	20/12/1977	271213936	Khu 5	Phục vụ quán ăn	Khu 5		1.700.000	1.000.000		
170	Nguyễn Minh Sang	12/11/1997	272523955	Khu 5	Xe ôm	Khu 5		1.700.000	1.000.000		
171	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	10/06/1970	271002733	Khu 5	Bán hàng rong	Khu 5		1.700.000	1.000.000		
172	Đinh Thị Mỹ Duyên	13/08/1988	272523440	Khu 5	Bán hàng rong	Khu 5		1.700.000	1.000.000		

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Số CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
173	Huỳnh Thị Hoa	01/01/1969	370708791	Khu 5	Bán hàng rong	Khu 5		1.700.000	1.000.000		
174	Trần Văn Bình	01/01/1974	271130043	Khu 5	Phục vụ quán ăn	Khu 5		1.700.000	1.000.000		
175	Nguyễn Thị Bé Hai	01/01/1960	363914414	Khu 5	Bán hàng rong	Khu 5		1.500.000	1.000.000		
176	Nguyễn Ngọc Trang	09/10/1979	272761462	Khu 5	Bán hàng rong	Khu 5		1.700.000	1.000.000		
177	Thái Văn Quân	1968	270861501	Khu 5	Xe ôm	Khu 5		1.700.000	1.000.000		
178	Nguyễn Minh Phương	01/01/1949	272194076	Khu 5	Xe ôm	Khu 5		1.500.000	1.000.000		
179	Nguyễn Tâm	01/01/1956	272035516	Khu 5	Xe ôm	Khu 5		1.500.000	1.000.000		
180	Lê Quốc Hồng	1983	271483571	Khu 5	Bán hàng rong	Khu 5		1.500.000	1.000.000		
181	Hứa Quốc Cường	25/08/1972	271002251	Khu 5	Xe ôm	Khu 5		1.700.000	1.000.000		
182	Nguyễn Văn Tùng	06/10/1978	271997151	Khu 5	Xe ôm	Khu 5		1.700.000	1.000.000		
183	Hồ Thị Thu Thảo	01/01/1976	271800249	Khu 5	Bán hàng rong	Khu 5		1.500.000	1.000.000		

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Số CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
184	Tương Thị Ngọc Hà	1980		Khu 5	Phục vụ quán ăn	Khu 5		1.500.000	1.000.000		
185	Lê Thị Thơ	02/01/1976	272425559	Khu 5	Bán hàng rong	Khu 5		1.700.000	1.000.000		
186	Phùng Thị Ánh Phú	17/01/1991	272077533	Khu 5	Phục vụ quán ăn	Khu 5		1.600.000	1.000.000		
187	Nguyễn Minh Trung	02/01/1990	271079688	Khu 5	Phục vụ quán ăn	Khu 5		1.600.000	1.000.000		
188	Đặng Thị Phương Thủy	19/04/1983	271533116	Khu 5	Phục vụ quán ăn	Khu 5		1.500.000	1.000.000		
189	Trần Văn Danh	01/01/1952	270130578	Khu 5	Xe ôm	Khu 5		1.200.000	1.000.000		
190	Phạm Thủy Đình	29/01/2001	272901681	Khu 5	Phục vụ quán ăn	Khu 5		1.500.000	1.000.000		
191	Huỳnh Văn Quang	1962	271669952	Khu 5	Xe ôm	Khu 5		1.000.000	1.000.000		
192	Mai Huỳnh Việt Tuấn	11/09/1993	272254925	Khu 5	Phục vụ quán ăn	Khu 5		1.000.000	1.000.000		
193	Trương Thị Trúc Nhiên	17/02/2001	272785937	Khu 5	Phục vụ quán ăn	Khu 5		1.500.000	1.000.000		
194	Huỳnh thị Minh Thy	24/05/2000	272784388	Khu 5	Phục vụ quán ăn	Khu 5		1.500.000	1.000.000		

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Số CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
195	Lâm Thị Khoa	29/07/1956	270466269	Khu 5	Phục vụ quán ăn	Khu 5		1.500.000	1.000.000		
196	Đàm Tuyết Sương	1992	272148832	Khu 5	Phục vụ quán ăn	Khu 5		1.500.000	1.000.000		
197	Nguyễn Đức Thắng	10/02/1956	270490692	Khu 5	Xe ôm	Khu 5		1.700.000	1.000.000		
198	Hoàng Thị Nguyệt	05/02/1960	272425774	Khu 5	Bán hàng rong	Khu 5		1.600.000	1.000.000		
199	Hoàng Lăng	31/12/1949	272425773	Khu 5	Xe ôm	Khu 5		1.500.000	1.000.000		
200	Huỳnh Văn Dũng	01/01/1961	310503022	Khu 5	Xe đạp ôm	Khu 5		1.700.000	1.000.000		
201	Hứa Thị Phi	12/10/1957	271002118	Khu 6	Bán hàng rong	Khu 6		1.000.000	1.000.000		
202	Mai Xuân Tiên	03/10/1944	270470292	Khu 6	Xe ôm	Khu 6		1.200.000	1.000.000		
203	Nguyễn Thị Xuân Mai	12/02/2004	2.7625E+11	Khu 7	Phục vụ quán ăn	Milano Thủy Mộc	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
204	Chường Mỹ Bình	25/11/2001	272902248	Khu 7	Phục vụ quán ăn	Milano Thủy Mộc	01/04/2020	1.600.000	1.000.000		
205	Vũ Thị Quỳnh Như	23/01/2002	272914518	Khu 7	Phục vụ quán ăn	Phú Thánh	01/04/2020	1.800.000	1.000.000		

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Số CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
206	Nguyễn Thị Phương Nam	25/08/2000	272852357	Khu 7	Phục vụ quán ăn	Milano Thủy Mộc	01/04/2020	1.600.000	1.000.000		
207	Nguyễn Đức Học	10/03/1978	272883617	Khu 7	Phục vụ quán ăn	Khu 7	01/04/2020	1.700.000	1.000.000		
208	Lâm Tiến Hào	02/02/1997	272542694	Khu 7	Phục vụ quán ăn	Khu 7	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
209	Nguyễn Ngọc Anh Thư	18/08/2001	272811943	Khu 7	Phục vụ quán ăn	Cà phê 1993	01/04/2020	1.700.000	1.000.000		
210	Nguyễn Hoàng Hải	21/04/2001	272914257	Khu 7	Phục vụ quán ăn	Cà phê 1993	01/04/2020	1.700.000	1.000.000		
211	Trần Thị Thanh Tuyền	30/12/1970	271634534	Khu 7	Phục vụ quán ăn	Khu 7	01/04/2020	1.600.000	1.000.000		
212	Phạm Thị Kiều Oanh	17/04/2001	276000129	Khu 7	Phục vụ quán ăn	Khu 7	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
213	Lưu Hồ Thanh Tâm	11/01/1993	272194177	Khu 7	Phục vụ quán ăn	Khu 7	01/04/2020	1.600.000	1.000.000		
214	Trịnh Thị Huyền	10/07/1989	272038766	Khu 7	Phục vụ quán ăn	Khu 7	01/04/2020	1.600.000	1.000.000		
215	Lê Thị Mĩ Linh	23/05/1905	271715988	Khu 7	Phục vụ quán ăn	Khu 7	01/04/2020	1.600.000	1.000.000		
216	Nguyễn Thị Hà	14/10/1970	271782163	Khu 7	Phục vụ quán ăn	Định Quán	01/04/2020	1.600.000	1.000.000		

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Số CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
217	Trần Xuân Hối	10/06/1966	271715997	Khu 7	Phục vụ quán ăn	Khu 7	01/04/2020	1.600.000	1.000.000		
218	Trần Khánh Hoàn	16/06/1995	272424327	Khu 7	Phục vụ quán ăn	Khu 7	01/04/2020	1.600.000	1.000.000		
219	Ngô Thị Hồng Thanh	29/12/1986	251265346	Khu 7	Phục vụ quán ăn	Lâm Đồng	01/04/2020	1.600.000	1.000.000		
220	Nguyễn Thị Cẩm Hồng	08/07/1956	272057722	Khu 7	Phục vụ quán ăn	Khu 7	01/04/2020	1.700.000	1.000.000		
221	Nguyễn Hoàng Khải	01/01/1947	272057721	Khu 7	Phục vụ quán ăn	Khu 7	01/04/2020	1.700.000	1.000.000		
222	Lâm Thị Thùy Tiên	30/04/2006		Khu 7	Phục vụ quán ăn	Khu 7	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
223	Lăng Công Bắc	19/10/1999	272770430	Khu 7	Phục vụ quán ăn	Khu 7	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
224	Lê Thị Ngọc Dung	24/11/1999	272721142	Khu 7	Phục vụ quán ăn	Khu 7	01/04/2020	1.600.000	1.000.000		
225	Trần Minh Phương	25/08/1983	271483847	Khu 7	Phục vụ quán ăn	Khu 7	01/04/2020	1.700.000	1.000.000		
226	Nguyễn Ngọc Quỳnh Trâm	22/07/1997	272594134	Khu 7	Phục vụ quán ăn	Khu 7	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
227	Nguyễn Trung Trục	23/10/1973	272543747	Khu 7	Phục vụ quán ăn	Khu 7	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Số CM/ND	Địa chỉ	Công việc trước khi mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (BVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (BVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
228	Võ Thị Thu Hà	01/04/1969	271110098	Khu 7	Phục vụ quán ăn	Khu 7	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
229	Lê Thị Bích Thủy	01/08/1978	272633555	Khu 7	Phục vụ quán ăn	Khu 7	01/04/2020	1.600.000	1.000.000		
230	Lê Thị Mỹ Phương	05/05/1964	271853597	Khu 7	Phục vụ quán ăn	Khu 7	01/04/2020	1.600.000	1.000.000		
231	Sân A Hạnh	27/04/1990	271935617	Khu 7	Phục vụ quán ăn	Khu 7	01/04/2020	1.600.000	1.000.000		
232	Phạm Ngọc Tiến	24/01/1965	271825602	Khu 7	Phục vụ quán ăn	Khu 7	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
233	Nguyễn Thanh Phương	18/04/1995	272523644	Khu 7	Phục vụ quán ăn	Khu 7	01/04/2020	1.700.000	1.000.000		
234	Ngô Thị Quỳ	28/08/1994	191818093	Khu 7	Phục vụ quán ăn	Quán Tư Tí	01/04/2020	1.600.000	1.000.000		
235	Đặng Thị Hoàng Mai	08/10/1998	272721460	Khu 7	Phục vụ quán ăn	Quán Tư Tí	01/04/2020	1.600.000	1.000.000		
236	Nguyễn Trương Anh Hào	1996	272440094	Khu 7	Phục vụ quán ăn	Quán Tư Tí	01/04/2020	1.600.000	1.000.000		
237	Hoàng Thị Minh Ngọc	09/04/1999	272901123	Khu 7	Phục vụ quán ăn	Khu 7	01/04/2020	0	1.000.000		
238	Hoàng Thị Kim Minh	04/05/1987	271824487	Khu 7	Phục vụ quán ăn	Khu 7	01/04/2020	0	1.000.000		

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Số CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
239	Hoàng Thị Kim Liên	12/05/1985	2,71625E+11	Khu 7	Phục vụ quán ăn	Khu 7	01/04/2020	1.600.000	1.000.000		
240	Lưu Lộc Phát	11/02/2002	272859976	Khu 7	Phục vụ quán ăn	Khu 7	01/04/2020	1.600.000	1.000.000		
241	T Sần Cẩm Sáng	23/12/1999	272632720	Khu 7	Phục vụ quán ăn	Khu 7	01/04/2020	1.700.000	1.000.000		
242	Nguyễn Thị Linh Nhi	24/4/1995	272403490	Khu 7	Phục vụ quán ăn	Khu 7	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
243	Mai Thị Loan	1973	27111973	Khu 7	Phục vụ quán ăn	Khu 7	01/04/2020	1.700.000	1.000.000		
244	Nguyễn Anh Huy	24/10/1994	272304095	Khu 7	Phục vụ quán ăn	Quán cây si	01/04/2020	1.600.000	1.000.000		
245	Nguyễn Anh Vũ	22/9/1992	272131221	Khu 7	Phục vụ quán ăn	Quán cây si	01/04/2020	1.600.000	1.000.000		
246	Lăng Thị Thảo Trâm	09/02/1998	272761914	Khu 7	Phục vụ quán ăn	Quán Kool	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
247	Nguyễn Thị Mỹ Phương	13/10/1977	271362900	Khu 7	Phục vụ quán ăn	Quán Kool	01/04/2020	1.700.000	1.000.000		
248	Nguyễn Tuấn Kiệt	25/7/2003	272961815	Khu 7	Phục vụ quán ăn	Quán Kool	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
249	Nguyễn Thị Tường	01/01/1980	271394218	Khu 7	Phục vụ quán ăn	Khu 7	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Số CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT: đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT: đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
250	Dặng Thị Hà	02/03/1987	3018700	Khu 7	Bán hàng rong	Khu 7	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
251	Phạm Thị Lý	10/10/1981	272364035	Khu 7	Phục vụ quán ăn	Khu 7	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
252	Vô Văn Hùng	04/12/1953	270439796	Khu 7	Bán hàng rong	Khu 7	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
253	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	08/03/1953	271555722TT	Khu 7	Phục vụ quán ăn	Khu 7	01/04/2020	1.700.000	1.000.000		
254	Vô Tấn Hùng	05/07/1978	271334294	Khu 7	Phục vụ quán ăn	Khu 7	01/04/2020	1.700.000	1.000.000		
255	Trần Thanh Thúy	04/11/2002	272901280	Khu 7	Bán hàng rong	bánh mì jojo	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
256	Đoàn Ngọc Mai	16/6/1988	272183841	Khu 7	Bán hàng rong	bánh mì jojo	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
257	Trần Thị Thúy Dong		271763885	Khu 7	Phục vụ quán ăn	quán zozo	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
258	Nguyễn Thanh Bình	01/10/2000	272859803	Khu 7	Phục vụ quán ăn	bánh mì jojo	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
259	Phan Thị Nhàn	1968	271014750	Khu 7	Bán hàng rong	Khu 7	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
260	Nguyễn Cao Huy	04/01/1983	271677261	Khu 7	Bán hàng rong	Khu 7	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Số CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
261	Trần Thị Trúc Mai	08/04/1970	270861670	Khu 7	Bán hàng rong	Khu 7	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
262	Trần Thị Bích Thoa	22/04/1996	264443495	Khu 7	Phục vụ quán ăn	Khu 7	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
263	Lý Thị Diễm Hương	29/11/1987	271715145	Khu 7	Phục vụ quán ăn	Quán G73	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
264	Sù Hà Mùi	16/10/1976	271213366	Khu 7	Phục vụ quán ăn	Quán G73	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
265	Nguyễn Đình Phương	09/05/1905	271024784	Khu 7	Xe ôm	Khu 7	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
266	Đỗ Quốc Quý	09/09/2000	272852835	Khu 7	Phục vụ quán ăn	Khu 7	01/04/2020	0	1.000.000		
267	Đỗ Quốc Quang	25/06/1998	272632405	Khu 7	Phục vụ quán ăn	Khu 7	01/04/2020	0	1.000.000		
268	Trần Đình Văn Thương	1973	271133090	Khu 7	Phục vụ quán ăn	Khu 7	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
269	Mai Tổ Tổ	22/06/1999	272632447	Khu 7	Phục vụ quán ăn	Quán Cây Bàng	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
270	Võ Thị Út Mười	1985	272166545	Khu 8	Phục vụ quán ăn	TT Tân Phú	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
271	Hồ Thị Chính	1969	271853028	Khu 8	Phục vụ quán ăn	Khu 8	01/04/2020	1.600.000	1.000.000		

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Số CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (DVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (DVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
272	Ngô Thị Nương	01/01/1971	192135132	Khu 8	Phục vụ quán ăn	khu 8	01/04/2020	1.600.000	1.000.000		
273	Nguyễn Thùy Trang	06/06/1966	270682767	Khu 8	Phục vụ quán ăn	khu 8	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
274	Phan Đình Phú	15/11/1990	272020674	Khu 8	Xe ôm	Tp.HCM	01/04/2020	1.600.000	1.000.000		
275	Nguyễn Thị Mộng Tiễn	18/04/1997	272490544	Khu 8	Bán hàng rong	Cổng trường tiểu học Nguyễn Huệ	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
276	Trần Thị Thanh Trang	07/02/1962	272879854	Khu 8	Bán hàng rong	khu 8	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
277	Phạm Ngọc Xuyên	10/06/1977	271407999	Khu 8	Phục vụ quán ăn	khu 8	01/04/2020	700.000	1.000.000		
278	Trần Thị Bích Đăng	15/11/1987		Khu 8	bán hàng rong	khu 4	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
279	Hồ Thị Thu Dung	13/05/1975	271130985	Khu 8	bán hàng rong	khu 8	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
280	Lê Thị Thủy	02/03/1973	271763178	Khu 8	bán hàng rong	khu 8	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
281	Nguyễn Văn Dũng	02/04/1959	270482074	Khu 8	Phục vụ quán ăn	khu 2	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
282	Lê Thị Lan	20/12/1963	270461534	Khu 8	Phục vụ quán ăn	khu 2	01/04/2020	1.600.000	1.000.000		

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Số CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
283	Trần Quang Tuấn	10/08/1983	186389052	Khu 8	Xe ôm	khu 8	01/04/2020	1.400.000	1.000.000		
284	Ngô Thị Dời	1967	272503234	Khu 8	Phục vụ quán ăn	khu 8	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
285	Nguyễn Thị Kim Thanh	1958	272342535	Khu 8	Phục vụ quán ăn	khu 8	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
286	Nguyễn Quốc Tuấn	05/03/1994	272341589	Khu 8	Xe ôm	khu 8	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
287	Hồ Quỳnh	02/07/1957	2.71002E+11	Khu 8	Bán hàng rong	khu 8	01/04/2020	1.600.000	1.000.000		
288	Huỳnh Hữu Tuấn		271715078	Khu 8	Xe ôm	khu 8	01/04/2020	500.000	1.000.000		
289	Lâm Thị Thùy Trang	01/01/1984	271715166	Khu 8	Phục vụ quán giải khát	khu 8	01/04/2020	1.800.000	1.000.000		
290	Hồ Thắng		272111315	Khu 8	Xe ôm	khu 8	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
291	Trần Thị Nụ	12/11/1964	271496036	Khu 8	Bán hàng rong	khu 8	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
292	Ngô Thị Phương	26/03/1964	271508640	Khu 8	Phục vụ quán giải khát	khu 8	01/04/2020	1.600.000	1.000.000		
293	Nguyễn Thị Ngọc Yến	01/01/1979	271276928	Khu 8	Phục vụ quán giải khát	khu 8	01/04/2020	1.600.000	1.000.000		

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Số CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
294	Trần Thị Ngọc Hiền	01/10/1988	272035847	Khu 8	Phục vụ quán ăn	khu 8	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
295	Nguyễn Thị Thanh Hương	28/07/1969	270792103	Khu 8	Phục vụ quán ăn	khu 8	01/04/2020	1.600.000	1.000.000		
296	Võ Thị Thanh Tuyền	10/03/1987	271763427	Khu 8	Phục vụ quán ăn	khu 8	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
297	Trần Lý Bầu	03/03/1981	271407022	Khu 8	Phục vụ quán ăn	khu 8	01/04/2020	1.600.000	1.000.000		
298	Nguyễn Thị Lan	20/05/1968	270910204	Khu 8	Bán hàng rong	Khu 8	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
299	Dương Thị Thanh Xuân		270788009	Khu 8	Bán hàng rong	Khu 8	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
300	Nguyễn Thị Thanh Lịch	11/01/1978	271261120	Khu 8	Phục vụ quán ăn	Khu 8	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
301	Hoàng Văn Quá	28/03/1984	142040982	Khu 8	Bán hàng rong	Khu 8	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
302	Trần Kim Lan	1971	271110016	Khu 8	Bán hàng rong	Khu 9	01/04/2020	900.000	1.000.000		
303	Võ Thị Hồng Diễm	01/05/1986	271715154	Khu 8	Bán hàng rong	Khu 9	01/04/2020	900.000	1.000.000		
304	Huỳnh Thị Cẩm Nhung	1971	271617149	Khu 8	Bán hàng rong	Khu 9	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Số CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT: đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT: đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
305	Lâm Thị Lê	1958	272722312	Khu 8	Bán hàng rong	Khu 9	01/04/2020	900.000	1.000.000		
306	Mai Thị Nga	1955	272020638	Khu 8	Bán hàng rong	Khu 9	01/04/2020	0	1.000.000		
307	Trần Thị Hạnh	10/10/1970	271001735	Khu 8	Bán hàng rong	Khu 9	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
308	Phạm Công Vinh	05/10/1997	272722791	Khu 9	Phục vụ quán ăn	Ánh Nga	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
309	Trần Thế Vương	20/03/1978	271276118	Khu 9	Phục vụ quán ăn	Ánh Nga	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
310	Phạm Thị Loan	04/10/1990	272057091	Khu 9	Phục vụ quán ăn	Ánh Nga	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
311	Nguyễn Thị Hương	01/10/1969	272594052	Khu 9	Phục vụ quán ăn	Corn Ba Lặc	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
312	Nguyễn Thị Thu	01/12/1949	079149002477	Khu 9	Phục vụ quán ăn	Corn Ba Lặc	01/04/2020	600.000	1.000.000		
313	Nguyễn Thị Mười	30/12/1970	271039490	Khu 9	Phục vụ quán ăn	Corn Ba Lặc	01/04/2020	0	1.000.000		
314	Trần Thị Thêm	1988	272721392	Khu 9	Phục vụ quán ăn	Corn Ba Lặc	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
315	Lê Thị Cẩm Xuyên	02-05-90	272088198	Khu 9	Phục vụ quán ăn	Khu 9	01/04/2020	900.000	1.000.000		

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Số CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
316	Trần Thị Băng Châu	1992	352352275	Khu 9	Phục vụ quán ăn	Ôc dêm	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
317	Nguyễn Thị Thu Cúc	09/07/1981	276001409	Khu 9	Phục vụ quán ăn	Khu 8	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
318	Nguyễn Thị Hồng Phúc	27/09/1981	271407059	Khu 9	Phục vụ quán ăn	Khu 6	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
319	Mai Thị Loan Thảo	25/04/1987	271997986	Khu 9	Phục vụ quán ăn	Khu 6	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
320	Thạch Cao Thùy	1964	272859870	Khu 9	Phục vụ quán ăn	Quán Sò Diếp	01/04/2020	0	1.000.000		
321	Nguyễn Thành Khoa	26/01/2001	272859358	Khu 9	Phục vụ quán ăn	Quán Dòng Quê	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
322	Nguyễn Thị Phương Thảo	14/10/1983	271483591	Khu 9	Phục vụ quán ăn	Khu 9	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
323	Nguyễn Thị Bích Rô	1981	271935827	Khu 9	Phục vụ quán ăn	Khu 9	01/04/2020	900.000	1.000.000		
324	Bùi Thị Hà	25/09/1968	320666732	Khu 9	Phục vụ quán ăn	Khu 9	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
325	Bùi Thị Kiều An	1981	272721494	Khu 9	Phục vụ quán ăn	Khu 9	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
326	W ông Hồ Dầu	1968	271058550	Khu 9	Phục vụ quán ăn	Quán 714	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Số CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
327	Lý Sính Dính	19/06/1972	271299376	Khu 9	Phục vụ quán ăn	Quán 714	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
328	Nguyễn Thị Lữ	01/01/1956	270439626	Khu 9	Phục vụ quán ăn	Quán 714	01/04/2020	0	1.000.000		
329	Vũ Ngọc Lợi	08/11/1990	272077920	Khu 9	Phục vụ quán ăn	Quán 714	01/04/2020	1.300.000	1.000.000		
330	Nguyễn Duy	29/12/1987	271889354	Khu 9	Phục vụ quán ăn	Quán 714	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
331	Nguyễn Thị Thuý Tiên	12/03/1998	272631830	Khu 9	Phục vụ quán ăn	Quán 714	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
332	Trương Hiệp	09/10/1958	271602945	Khu 9	xe ôm	Cổng huyện	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
333	Trần Văn Bé Ba	28/07/1954	272296274	Khu 9	xe ôm	Cổng huyện	01/04/2020	900.000	1.000.000		
334	Nguyễn Thành Dũng	15/12/1970	271130664	Khu 9	xe ôm	Bến xe	01/04/2020	900.000	1.000.000		
335	Võ Văn Hồng	1964	272630806	Khu 9	xe ôm	Trà Cổ	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
336	Lê Văn Hiền	1973	271109149	Khu 9	xe ôm	Trà Cổ	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
337	Võ Văn Nghĩa	1966	270682803	Khu 9	xe ôm	Bến xe	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Số CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
338	Nguyễn Thành Châu	08/04/1978	271261032	Khu 9	xe ôm	Ngã 3 tà lái	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
339	Lê Văn Hùng	24/02/1958	270471685	Khu 9	xe ôm	Ngã 3 tà lái	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
340	Võ Chí Hiếu	1981	271440393	Khu 9	xe ôm	Ngã 3 tà lái	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
341	Hồ Chí Dũng	1957	271001800	Khu 9	xe ôm	Ngã 3 tà lái	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
342	Võ Chí Hùng	16/10/1971	271001856	Khu 9	xe ôm	Ngã 3 tà lái	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
343	Nguyễn Minh Hiếu	08/01/1974	271109417	Khu 9	xe ôm	Bến xe	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
344	Mai Anh Dũng	1958	271001529	Khu 9	xe ôm	Bến xe	01/04/2020	900.000	1.000.000		
345	Đỗ Thanh Tinh	10/05/1952	271602932	Khu 9	xe ôm	Bến xe	01/04/2020	900.000	1.000.000		
346	Lê Thục	01/03/1957	271559891	Khu 9	xe ôm	Bến xe	01/04/2020	900.000	1.000.000		
347	Trần Thị Thu Trinh	01/01/1970	276000468	Khu 9	Bán hàng rong	Khu 9	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
348	Hữu Thị Hạnh	1961		Khu 9	Bán hàng rong	Khu 9	01/04/2020	600.000	1.000.000		

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Số CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (DVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (DVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
349	Phạm Hoàng Oanh	01/01/1972	276102287	Khu 9	Bán hàng rong	Khu 9	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
350	Nguyễn Thị Thoan	10/09/1970	194189093	Khu 9	Phục vụ quán ăn	Cơm tấm Ba lặc	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
Tổng: 350 đối tượng											

II. XÃ TRÀ CỎ

1	Nguyễn Thị Hoa	01/01/1953	271407866	TT. Tân Phú	Bán hàng rong	Ấp 1 xã Trà Cỏ	18/03/2020	240.000	1.000.000		
2	Võ Văn Hùng	21/10/1956	271763139	Ấp 1 xã Trà Cỏ	Bán hàng rong	Ấp 1 xã Trà Cỏ	18/03/2020	40.000	1.000.000		
3	Vân Thị Kim Hòa	01/03/1965	271623144	Ấp 1 xã Trà Cỏ	Bán hàng rong	Ấp 1 xã Trà Cỏ	18/03/2020	40.000	1.000.000		
4	Võ Thị Suong	1964	271985369	Ấp 1 xã Trà Cỏ	Bán hàng rong	Ấp 1 xã Trà Cỏ	18/03/2020	240.000	1.000.000		
5	Lê Văn Sơn	1956	272167580	Ấp 1 xã Trà Cỏ	Lái xe mô tô 2 bánh chở khách	Ấp 1 xã Trà Cỏ	18/03/2020	250.000	1.000.000		
6	Trần Minh Hoàng	1957	272166005	Ấp 1 xã Trà Cỏ	Lái xe mô tô 2 bánh chở khách	Ấp 1 xã Trà Cỏ	18/03/2020	40.000	1.000.000		
7	Nguyễn Thị út Tâm	1959	272524791	Ấp 1 xã Trà Cỏ	Bán hàng rong	Ấp 1 xã Trà Cỏ	18/03/2020	240000	1.000.000		

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Số CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
8	Nguyễn Văn Cảnh	20/05/1983	271508346	Ấp 1 xã Trà Cỏ	Bán hàng rong	Ấp 1 xã Trà Cỏ	18/03/2020	320.000	1.000.000		
9	Lê Thị Thanh Hằng	15/10/1986	271623266	Ấp 1 xã Trà Cỏ	Bán hàng rong	Ấp 1 xã Trà Cỏ	18/03/2020	40.000	1.000.000		
10	Lê Thị Thum	1961	272631591	Ấp 1 xã Trà Cỏ	Bán hàng rong	Ấp 1 xã Trà Cỏ	18/03/2020	800.000	1.000.000		
11	Nguyễn Thị Nga	1960	270471567	Ấp 1 xã Trà Cỏ	Bán hàng rong	Ấp 1 xã Trà Cỏ	18/03/2020	320.000	1.000.000		
12	Đinh Thị Liên	1976	271213945	Ấp 1 xã Trà Cỏ	Bán hàng rong	Ấp 1 xã Trà Cỏ	18/03/2020	0	1.000.000		
13	Trịnh Thị Bé	15/10/1965	270490198	Ấp 1 xã Trà Cỏ	Bán hàng rong	Ấp 1 xã Trà Cỏ	18/03/2020	320.000	1.000.000		
14	Nguyễn Thị Lệ Liễu	12/03/1967	270608443	Ấp 1 xã Trà Cỏ	Bán hàng rong	Ấp 1 xã Trà Cỏ	18/03/2020	800.000	1.000.000		
15	Lê Thị Minh Hiếu	1954	272572413	Ấp 1 xã Trà Cỏ	Bán hàng rong	Ấp 1 xã Trà Cỏ	18/03/2020	40.000	1.000.000		
16	Lê Văn Đức	1953	272039671	Ấp 1 xã Trà Cỏ	Lái xe mô tô 2 bánh chở khách	Ấp 1 xã Trà Cỏ	18/03/2020	800.000	1.000.000		
17	Hồ Thiên Bình	03/04/1985	271623501	Ấp 1 xã Trà Cỏ	Bán hàng rong	Ấp 1 xã Trà Cỏ	18/03/2020	1.000.000	1.000.000		
18	Dương Hồng Thắm	1981	272052708	Ấp 1 xã Trà Cỏ	Bán hàng rong	Ấp 1 xã Trà Cỏ	18/03/2020	40.000	1.000.000		

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Số CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
19	Đoàn Thị Ngọc Trinh	29/07/1983	271550921	Ấp 1 xã Trà Cỏ	Bán hàng rong	Ấp 1 xã Trà Cỏ	18/03/2020	800.000	1.000.000		
20	Bùi Thị Kim Sứ	1956	272440573	Ấp 1 xã Trà Cỏ	Bán hàng rong	Ấp 1 xã Trà Cỏ	18/03/2020	640.000	1.000.000		
21	Dương Duy Linh	1964	272469530	Ấp 1 xã Trà Cỏ	Bán hàng rong	Ấp 1 xã Trà Cỏ	18/03/2020	1.000.000	1.000.000		
22	Phạm Thị Diễm	1972	272632830	Ấp 1 xã Trà Cỏ	Bán hàng rong	Ấp 1 xã Trà Cỏ	18/03/2020	1.000.000	1.000.000		
23	Tương Thị Thum	1949	270466010	Ấp 1 xã Trà Cỏ	Bán hàng rong	Ấp 1 xã Trà Cỏ	18/03/2020	700.000	1.000.000		
24	Nguyễn Thị Phi Yến	12/08/1977	271254719	Ấp 1 xã Trà Cỏ	Bán hàng rong	Ấp 1 xã Trà Cỏ	18/03/2020	800.000	1.000.000		
25	Huỳnh Thị Phương	01/01/1974	272630185	Ấp 1 xã Trà Cỏ	Bán hàng rong	Ấp 1 xã Trà Cỏ	18/03/2020	1.000.000	1.000.000		
26	Nguyễn Văn Bé Tư	09/10/1960	271439731	Ấp 1 xã Trà Cỏ	Bán hàng rong	Ấp 1 xã Trà Cỏ	18/03/2020	1.400.000	1.000.000		
27	Lê Thị Hà	1963	270439118	Ấp 1 xã Trà Cỏ	Bán hàng rong	Ấp 1 xã Trà Cỏ	18/03/2020	320.000	1.000.000		
28	Nguyễn Thanh Bình	1978	271261175	Ấp 1 xã Trà Cỏ	Bốc vác	Ấp 1 xã Trà Cỏ	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
29	Nguyễn Văn Xuyên	1981	334121351	Ấp 1 xã Trà Cỏ	Bốc vác	Ấp 1 xã Trà Cỏ	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Số CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
30	Hồ Thị Mười	01/01/1967	272543501	Ấp 1 xã Trà Cố	Bán hàng rong	Ấp 1 xã Trà Cố	18/03/2020	0	1.000.000		
31	Võ Văn Sơn	04/02/1960	271623403	Ấp 1 xã Trà Cố	Lái xe mô tô 2 bánh chở khách	Ấp 1 xã Trà Cố	01/04/2020	260.000	1.000.000		
32	Nguyễn Thị Hoàng Yến	30/03/1984	271623227	Ấp 1 xã Trà Cố	Bán hàng rong	TT Tân Phú	01/04/2020	800.000	1.000.000		
33	Lê Thị Tâm	1965	310618886	Ấp 1 xã Trà Cố	Bán hàng rong	Ấp 1 xã Trà Cố	01/04/2020	300.000	1.000.000		
34	Quách Anh Tuấn	1960	271023225	Ấp 4 xã Trà Cố	Lái xe mô tô 2 bánh chở khách	Ấp 4 xã Trà Cố	18/03/2020	500.000	1.000.000		
35	Lê Thị Ánh Ngọc	1965	271023216	Ấp 4 xã Trà Cố	Bán hàng rong	Ấp 4 xã Trà Cố	18/03/2020	1.000.000	1.000.000		
36	Trần Văn Vui	01/01/1963	270471302	Ấp 4 xã Trà Cố	Lái xe mô tô 2 bánh chở khách	Ấp 4 xã Trà Cố	18/03/2020	400.000	1.000.000		
37	Nguyễn Thị Liên	01/01/1974	272304430	Ấp 4 xã Trà Cố	Bán hàng rong	Ấp 4 xã Trà Cố	18/03/2020	900.000	1.000.000		
38	Trần Thị Trang Đài	21/12/1970	272194362	Ấp 4 xã Trà Cố	Bán hàng rong	Ấp 4 xã Trà Cố	18/03/2020	700.000	1.000.000		
39	Nguyễn Công Minh	12/08/1964	272392019	Ấp 4 xã Trà Cố	Lái xe mô tô 2 bánh chở khách	Ấp 4 xã Trà Cố	18/03/2020	800.000	1.000.000		
40	Lê Thanh Hồng	16/08/1961	271483903	Ấp 4 xã Trà Cố	Lái xe mô tô 2 bánh chở khách	Ấp 4 xã Trà Cố	18/03/2020	700.000	1.000.000		

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Số CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
41	Lê Hồng Sơn	05/08/1974	271130961	Ấp 4 xã Trà Cố	Lái xe mô tô 2 bánh chở khách	Ấp 4 xã Trà Cố	18/03/2020	500.000	1.000.000		
42	Nguyễn Thị Nhẹ	24/09/1953	271024394	Ấp 4 xã Trà Cố	Bán hàng rong	Ấp 4 xã Trà Cố	18/03/2020	900.000	1.000.000		
43	Trần Thị Diễm	1974	271652446	Ấp 4 xã Trà Cố	Bán hàng rong	Ấp 4 xã Trà Cố	01/04/2020	600.000	1.000.000		
44	Trương Anh Kiệt	33239	272859407	Ấp 4 xã Trà Cố	Lái xe mô tô 2 bánh chở khách	Ấp 4 xã Trà Cố	01/04/2020	700.000	1.000.000		
45	Trần Thị Ngọc Oanh	1969	272465844	Ấp 4 xã Trà Cố	Bán hàng rong	Ấp 4 xã Trà Cố	01/04/2020	600.000	1.000.000		
46	Nguyễn Thị Khánh Ly	10/12/1990	212785556	Ấp 4 xã Trà Cố	Bán hàng rong	Ấp 4 xã Trà Cố	01/04/2020	40.000	1.000.000		
47	Nguyễn Ngọc Tân	1992		Ấp 4 xã Trà Cố	Bán hàng rong	Ấp 4 xã Trà Cố	01/04/2020	40.000	1.000.000		
48	Nguyễn Thị Kinh	1948	270490315	Ấp 5 xã Trà Cố	Bán hàng rong	Ấp 5 xã Trà Cố	01/04/2020	800.000	1.000.000		
49	Nguyễn Thị Chính	1972	271188213	Ấp 5 xã Trà Cố	Bán hàng rong	Ấp 5 xã Trà Cố	01/04/2020	700.000	1.000.000		
50	La Văn Tâm	26/12/1966	270682672	Ấp 5 xã Trà Cố	Lái xe mô tô 2 bánh chở khách	TT Tân Phú	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
51	Đoàn Thị Bích Trâm	27/03/1983	272961731	Ấp 5 xã Trà Cố	Bán hàng rong	Ấp 5 xã Trà Cố	01/04/2020	600.000	1.000.000		